

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
(Ban hành tại Quyết định số .... ngày ...tháng....năm 2018  
của Hiệu trưởng trường đại học Kinh tế-Luật)

Tên chương trình: **QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

Mã ngành đào tạo: **52.34.01.01**

Trưởng Bộ môn: **TS HUỖNH THANH TÚ**

## **1) MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo là cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, tự nhiên, xã hội và nhân văn và chuyên ngành quản trị kinh doanh giúp họ có tư duy hệ thống logic, khả năng chuyển tải kiến thức thành những kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cá nhân, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, phản biện và tư vấn chính sách, kỹ năng giao tiếp và thiết lập những mối quan hệ thành công trong các lĩnh vực quản lý và quản trị kinh doanh. Đồng thời, giúp người học xây dựng những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng thiết kế, vận hành và quản lý các ý tưởng kinh doanh tự lập thân, lập nghiệp, và cơ hội học tập suốt đời.

Kết quả học tập mong đợi của Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh trong trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG-HCM được xây dựng ở cấp độ 3, bao gồm các khía cạnh chi tiết và cụ thể: kiến thức cơ bản và lập luận ngành, kỹ năng chuyên môn và tổ chức cá nhân, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, cũng như phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp hướng tới mục tiêu học tập suốt đời cho người học. Kết quả mong đợi được thể hiện chi tiết ở Bảng 1.1.

Trên cơ sở đó, sinh viên tốt nghiệp có khả năng sáng tạo các ý tưởng về kinh doanh (conceiving – C), triển khai xây dựng các phương án, dự án trong kinh doanh (design –

D), và tổ chức thực hiện các phương án, dự án đó (implement – I), cũng như ánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh (evaluate – E) đặt trong các bối cảnh về xã hội và ngoại cảnh, bối cảnh về doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Các năng lực có được từ Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh đạt chuẩn quốc tế giúp người học có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn đời sống trong môi trường sản xuất và kinh doanh mang tính toàn cầu, gọi tắt là C-D-I-E.

**Bảng 1.1. CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG CÁC CHUẨN ĐẦU RA
<b>1. KIẾN THỨC CƠ BẢN VÀ LẬP LUẬN</b> <b>NGÀNH</b>	<b>1.1. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh.</li> <li>○ Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức</li> <li>○ Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề của tổ chức</li> </ul>
	<b>1.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý</li> <li>○ Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.</li> <li>○ Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh</li> </ul>
	<b>1.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức</li> <li>○ Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.</li> <li>○ Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.</li> <li>○ Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biệt và xây dựng chiến lược kinh doanh.</li> <li>○ Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh</li> </ul>
<b>2. KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN, TÍNH CÁCH CÁ NHÂN</b>	<b>2.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh</li> <li>○ Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp</li> <li>○ Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.</li> <li>○ Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh</li> </ul>
	<b>2.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.</li> <li>○ Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh</li> <li>○ Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh</li> <li>○ Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh.</li> </ul>
	<b>2.3. Tư duy có hệ thống</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp</li> <li>○ Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống</li> <li>○ Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề</li> <li>○ Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị</li> </ul>
	<b>2.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm</li> <li>○ Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh</li> <li>○ Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình</li> <li>○ Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh</li> </ul>

	<p><b>2.5. Kỹ năng và thái độ cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Chủ động và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh</li> <li>○ Có tính kiên trì và linh hoạt trong giải quyết vấn đề kinh doanh</li> <li>○ Có khả năng nhận thức về đặc điểm, tính cách và kiến thức của chính mình</li> <li>○ Có khả năng quản lý các nguồn lực và thời gian</li> </ul>
<b>3. KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC THEO NHÓM</b>	<p><b>3.1. Kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có khả năng thiết lập chiến lược giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu</li> <li>○ Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác</li> <li>○ Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng</li> <li>○ Có khả năng nghe với tư duy phân biện.</li> <li>○ Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện</li> </ul>
	<p><b>3.2. Kỹ năng làm việc nhóm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập</li> <li>○ Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu</li> <li>○ Có khả năng phát triển nhóm</li> <li>○ Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm</li> </ul>
	<p><b>3.3. Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có khả năng Giao tiếp văn bản hiệu quả bằng tiếng Anh (500 TOEIC).</li> <li>○ Có khả năng giao tiếp đa phương tiện hiệu quả bằng tiếng Anh (500 TOEIC).</li> <li>○ Có khả năng giao tiếp bằng một ngôn ngữ khác</li> </ul>
<b>4. PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP</b>	<p><b>4.1. Phẩm chất cá nhân trong bối cảnh xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng</li> <li>○ Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa</li> <li>○ Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội</li> <li>○ Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự</li> <li>○ Có khả năng phát triển viễn cảnh toàn cầu</li> </ul>
	<p><b>4.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức</li> <li>○ Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức</li> <li>○ Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa</li> <li>○ Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh</li> <li>○ Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh</li> </ul>
	<p><b>4.3. Khả năng học suốt đời</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần</li> <li>○ Có khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh</li> <li>○ Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp</li> <li>○ Có khả năng vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu</li> <li>○ Có khả năng nắm bắt và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp</li> </ul>

*Các chuẩn đầu ra bổ sung cho chương trình CNTT ngành Quản trị kinh doanh như sau*

- Tổng số tín chỉ các môn học tài năng là 25%. Điểm dành cho môn học tài năng phải từ 7,0 trở lên nhằm đảm bảo chất lượng chương trình tài năng.
- Chuẩn đầu ra tiếng Anh cao hơn so với sinh viên chính quy. Theo Quy chế đào tạo và học vụ của trường Đại học Kinh tế - Luật hiện hành, chuẩn tiếng Anh tốt nghiệp của sinh viên chương trình tài năng là IELTS 5.5 hoặc tương đương (trong khi chuẩn tiếng Anh tốt nghiệp của sinh viên chương trình thường là IELTS là 5.0 hoặc tương đương).

- Kỹ năng trình bày và thuyết trình bằng tiếng Anh tốt. Khuyến khích sinh viên tham gia chương trình tài năng bảo vệ luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh trước hội đồng.
- Các kỹ năng mềm được nâng cao và được rèn luyện, trong đó chú trọng kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTN phải tham gia nghiên cứu khoa học (tối thiểu phải có 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường).

*Điểm khác biệt về tổ chức giảng dạy – NCKH sinh viên lớp CNTN ngành Quản trị kinh doanh:*

- Sinh viên lớp CNTN ngành Quản trị kinh doanh sẽ học các môn tài năng với khối lượng kiến thức và yêu cầu cao hơn so với chương trình thường.
- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên nhằm nâng cao khả năng nghiên cứu của sinh viên cử nhân tài năng.

*Để đảm bảo chuẩn đầu ra khác biệt so với đại trà*

- Chương trình đào tạo cử nhân tài năng tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM được xây dựng thông qua việc ưu tiên đầu tư điều kiện giảng dạy, học tập tốt, đội ngũ giảng viên giỏi và áp dụng phương pháp dạy – học hiện đại để đạt chuẩn chất lượng của các đại học tiên tiến trong khu vực. Giảng viên giảng dạy trong chương trình được tuyển chọn và đánh giá theo những tiêu chí riêng.
- Ngoài các hoạt động chính khóa, sinh viên có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động ngoại khóa được tổ chức thường xuyên và các khóa đào tạo ngắn hạn về kỹ năng mềm và nghiệp vụ nhằm bồi dưỡng và phát triển các kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, các kỹ năng xã hội và các năng lực C-D-I-O cho mình. Sinh viên cũng được tham gia vào các chương trình trao đổi sinh viên, văn hóa, các hoạt động hội nghị, hội thảo quốc tế... để đạt được các năng lực làm việc trong môi trường quốc tế. Sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều nguồn học bổng trong và ngoài nước trong quá trình thực hiện chương trình, sau khi tốt nghiệp, các sinh viên xuất sắc được giới thiệu với các chương trình học bổng sau đại học ở nước ngoài.

Sinh viên của chương trình CNTN sẽ được trang bị kiến thức về phương pháp nghiên cứu; cách sử dụng các công cụ hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong mỗi hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, Khoa phân công giảng viên có chuyên môn cao để thực hiện việc hướng dẫn. Trường phân bổ một khoản kinh phí cho hoạt động NCKH. Việc cấp kinh phí được thực hiện ngay từ giai đoạn khởi sự nghiên cứu và ưu tiên cho những sinh viên có thành tích học tập xuất sắc.

### 3) MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA- MÔN HỌC

STT	MÔN HỌC	KIẾN THỨC CƠ BẢN, LẬP LUẬN NGÀNH			KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN, TỐ CHẤT CÁ NHÂN					KỸ NĂNG GIAO TIẾP, LÀM VIỆC NHÓM			PHẨM CHẤT, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP		
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
1	Ngoại ngữ									X	X	X	X	X	X
2	Giáo dục thể chất														X
3	Giáo dục quốc phòng														X
4	Những NL của CNML	X				X	X								X
5	Đường lối CM ĐCSVN	X				X	X								X
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X				X	X								X
7	Văn hóa học	X				X	X								X
8	Xã hội học	X				X	X								X
9	Địa chính trị thế giới	X				X	X								X
10	Quan hệ quốc tế	X				X	X								X
11	Phương pháp nghiên cứu KH	X	X		X	X	X	X						X	X
12	Toán cao cấp	X	X				X	X						X	
13	Lý thuyết xác suất và thống kê	X	X	X			X	X						X	
14	Thống kê ứng dụng	X	X	X			X	X						X	
15	Kinh tế lượng		X	X			X	X						X	
16	Kinh tế học vi mô		X	X		X	X	X						X	
17	Kinh tế học vĩ mô		X	X		X	X	X						X	
18	Nguyên lý kế toán		X	X		X	X	X						X	
19	Hành vi khách hàng		X	X	X	X	X	X						X	
20	Marketing căn bản			X	X	X	X	X						X	
21	Quản trị học căn bản			X	X	X	X	X						X	
22	Hành vi tổ chức			X	X	X	X	X						X	
23	Nghiên cứu Marketing			X	X	X	X	X						X	
24	Quản trị tài chính			X	X	X	X	X						X	
25	Quản trị chiến lược			X	X	X	X	X						X	
26	Quản trị nguồn nhân lực			X	X	X	X	X						X	
27	Quản trị thương hiệu			X	X	X	X	X						X	
28	Quản trị truyền thông			X	X	X	X	X						X	
29	Quản trị kinh doanh toàn cầu			X	X	X	X	X						X	
30	Quản trị bán hàng			X	X	X	X	X						X	
31	Quản trị chất lượng			X	X	X	X	X						X	
32	Quản trị hành chính văn phòng			X	X	X	X	X						X	
33	Quản trị hệ thống thông tin			X	X	X	X	X						X	
34	Quản trị rủi ro			X	X	X	X	X						X	
35	Quản trị sản xuất			X	X	X	X	X						X	
36	Quản trị dự án đầu tư			X	X	X	X	X						X	
37	Văn hóa doanh nghiệp				X	X		X	X	X	X	X		X	X
38	Kỹ năng làm việc nhóm				X	X		X	X	X	X	X		X	X
39	Nghệ thuật lãnh đạo				X	X		X	X	X	X	X		X	X
40	Phát triển kỹ năng quản trị				X	X		X	X	X	X	X		X	X
41	Kỹ năng đàm phán				X	X		X	X	X	X	X		X	X
42	Kỹ năng giao tiếp				X	X		X	X	X	X	X		X	X
43	Kỹ năng tổ chức sự kiện				X	X		X	X	X	X	X		X	X
44	Lý luận nhà nước và pháp luật	X		X			X							X	
45	Luật doanh nghiệp	X		X			X							X	
46	Luật cạnh tranh	X		X			X							X	
47	Luật sở hữu trí tuệ	X		X			X							X	
48	Luật hợp đồng	X		X			X							X	
49	Luật thương mại quốc tế	X		X			X							X	
50	Thực tập cuối khóa	X		X			X	X		X	X	X	X	X	X
51	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X			X	X		X			X	X	X

#### 4. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VÀ KHẢ NĂNG LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp Chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh theo 3 nhóm ngành nghề chính:

**Nhóm 1: Chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách hoặc chuyên gia cao cấp trong kinh doanh.** Những chuyên viên có kiến thức và đam mê kinh doanh, trong tương lai sẽ là nhà quản lý cao cấp trong các doanh nghiệp ở các vị trí có liên quan đến Quản trị và Kinh doanh như: chuyên viên hoạch định, khai thác và sử dụng nguồn nhân lực trong tổ chức, phân tích, thẩm định và đề xuất các phương án đầu tư kinh doanh, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng và xây dựng thương hiệu sản phẩm, và triển vọng trong tương lai sẽ trở thành những chuyên gia phân tích, tư vấn, trợ lý Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong môi trường toàn cầu. Những chuyên viên cao cấp này có khả năng thích ứng trong bối cảnh công việc có tính cạnh tranh cao, có đủ năng lực làm việc tại các tổ chức, các doanh nghiệp, có khả năng hoạch định, điều hành, tổ chức thực hiện và quản lý; có đủ năng lực đảm nhận các chức vụ lãnh đạo từ cấp phòng, ban trong tổ chức, cũng như các chương trình, dự án thuộc các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, tổ chức của Chính phủ và phi chính phủ cả ở trong và ngoài nước.

**Nhóm 2: Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.** Khi tốt nghiệp sinh viên có thể là chuyên viên có năng lực, tiến tới trở thành chuyên gia có trình độ cao, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý một doanh nghiệp, có đam mê và tinh thần sẵn sàng khởi nghiệp sáng tạo, trong tương lai sẽ đi theo thiên hướng trở thành những chủ doanh nghiệp có trí tuệ và bản lĩnh kinh doanh, tự lập thân, lập nghiệp.

**Nhóm 3: Giảng viên và nghiên cứu viên.** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng nghiên cứu và công bố kết quả để có thể làm trợ giảng và tiến tới trong tương lai trở thành giảng viên có học vị cao tại các trường đại học; chuyên viên nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, tham gia đề xuất, xây dựng và phát triển các ý tưởng sáng tạo, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực Quản trị và Kinh doanh cho mọi tổ chức thuộc chính phủ, phi chính phủ và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 Tín chỉ (không kể phần kiến thức: ngoại ngữ - 20TC, giáo dục thể chất – 5 TC và giáo dục quốc phòng – 8TC)

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN hoặc các HPCĐ	Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn			Ghi chú
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn		
									Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	130	36	84	32	52	4+6	95	35	61	<i>Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ (20TC), giáo dục thể chất (5 TC), giáo dục quốc phòng (165 tiết, tương đương 8TC)</i>
		Tỷ lệ (%)	27,7	64,6	24,6	40,0	7,7	-	-	-	

## 7) Đối tượng tuyển sinh

- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đã trúng tuyển đại học chính quy của trường
- Sinh viên chương trình tài năng có thể bắt đầu được tuyển chọn từ năm thứ nhất và hoặc năm thứ hai với chỉ tiêu xác định.
- Sinh viên phải có kết quả tuyển sinh cao và/hoặc điểm trung bình tích lũy (ĐTBTTL) lớn hơn hoặc bằng 7,5; Sinh viên phải tích lũy từ 90% số tín chỉ theo chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào lớp kỹ sư tài năng.
- Sinh viên phải đang học cùng khóa, cùng ngành tương ứng với ngành muốn ứng tuyển vào chương trình tài năng.
- Ban điều hành đề án cấp Khoa chịu trách nhiệm thực hiện công tác sàng lọc và xét tuyển bổ sung. Quyết định chuyển đổi sinh viên giữa chương trình tài năng và chương trình đại trà do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật ký và báo cáo về Ban chỉ đạo đề án cấp ĐHQG-TP.HCM.

## 8) Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

### 8.1. Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: Theo Hệ thống Tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3.
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: học kỳ 4.
- Khối kiến thức ngành: học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp: học kỳ 8.

Ngoài ra, Chứng chỉ Ngoại ngữ, Chứng chỉ Giáo dục thể chất và Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng bắt buộc sinh viên phải tích lũy trước khi nhận bằng tốt nghiệp.

## 8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ghi rõ “Chương trình Đào tạo Tài năng” nếu thỏa đủ các điều kiện sau:

- Đang là sinh viên của chương trình tài năng
- Hoàn thành chương trình đào tạo tài năng (đạt số tín chỉ tích lũy ngành và số tín chỉ tài năng tích lũy) và thỏa các điều kiện tốt nghiệp khác theo quy định
- Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn theo kế hoạch giảng dạy
- Có tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học
- Có điểm Luận văn tốt nghiệp từ 7,5 trở lên, có điểm trung bình tích lũy ngành từ 7,5 trở lên và có điểm rèn luyện từ loại Tốt trở lên
- Có trình độ Anh văn đạt chuẩn tiếng Anh tốt nghiệp chương trình tài năng được quy định trong Quy chế đào tạo và học vụ của trường.

Trường hợp sinh viên chương trình tài năng không thỏa đủ các điều kiện trên nhưng đủ điều kiện xét tốt nghiệp chương trình khác thì được xét cấp bằng tốt nghiệp chương trình khác. Đồng thời những môn học với chương trình tài năng sẽ được bảo lưu điểm và có ghi chú trên bằng điểm tốt nghiệp là môn học tài năng.

**9) Thang điểm:** Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân

## 10) Nội dung chương trình

**10.1. Khối kiến thức cơ bản:** 36 TC (25 TC bắt buộc + 11 TC tự chọn)

**10.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh:** 10 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	GHI CHÚ
		<b>Các môn học bắt buộc</b>	10			
1	GEN1001	Những NLCB của CN Mác – Lênin	5			
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3			



3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
---	---------	----------------------	---	--	--	--

**10.1.2. Nhân văn- Kỹ năng: 4 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
<b>Không có môn học bắt buộc</b>						
<b>Các môn tự chọn 5 (TC)</b>			<b>5</b>	<b>5</b>		
1	GEN1101	Tâm lý học (*)	2	2		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp (*)	2	2		
<b>3</b>	<b>GEN1108</b>	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học (Môn học tài năng)</b>	3	3		
4	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm (**)	2	2		

**10.1.3. Khoa học xã hội: 4 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
<b>Không có môn học bắt buộc</b>						
<b>Các môn tự chọn (4 TC)</b>			<b>4</b>	<b>4</b>		
1	GEN1106	Xã hội học	2	2		
2	GEN1105	Văn hóa học	2	2		
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		
4	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		

**10.1.4. Khoa học kinh tế: 9 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
<b>Các môn học bắt buộc (9 TC)</b>			<b>9</b>	<b>9</b>		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
<b>3</b>	<b>BUS1100</b>	<b>Quản trị học căn bản (Môn học tài năng)</b>	3	3		

**10.1.5. Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG	LÝ	TH/TN	GHI

			CỘNG	THUYẾT		CHÚ
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	

**10.1.6. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 02 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
<b>Các môn học tự chọn (03 TC)</b>			<b>2</b>	<b>3</b>		
1	MIS1004	Tin học ứng dụng	2	2		
2	GEN1107	Logic học	2	2		
3	MAT1004	Kinh tế lượng	3	2	1	

**10.1.7. Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
<b>Các môn học bắt buộc: 6 TC</b>			<b>6</b>	<b>6</b>		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		

i Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

ii Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng với 8 tín chỉ)

**10.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 TC (68 TC bắt buộc + 16 TC tự chọn)**

**10.2.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành Kinh tế- Quản lý: 20 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
<b>Các môn học bắt buộc</b>			<b>20</b>			
1	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2			
2	MAT1001	Toán cao cấp	5			
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3			
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3			
5	BUS 1200	Marketing căn bản (Môn học tài năng)	3			
6	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2			
7	COM1001	Kinh tế quốc tế	2			

**10.2.2. Khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành Quản lý: 12 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		<b>Các môn học bắt buộc</b>	<b>20</b>			
1	ACC1023	Thống kê ứng dụng	3	2	1	
2	BUS1111 FIN1102	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	3	2	1	
3	<b>BUS1105</b>	<b>Quản trị chiến lược</b> (Môn học tài năng)	3	2	1	
4	ACC1013	Kế toán tài chính	3	2	1	

**10.2.3. Khối kiến thức chuyên sâu ngành: 52TC (39TC bắt buộc + 13TC tự chọn)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH / T N	GHI CHÚ
		<b>Các môn học bắt buộc</b>				
1	<b>BUS1103</b>	<b>Quản trị nguồn nhân lực</b> (Môn học tài năng)	3			
2	<b>BUS1205</b>	<b>Quản trị marketing</b> (Môn học tài năng)	3			
3	BUS1306	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3			
4	BUS1301	Văn hóa doanh nghiệp	3			
5	BUS1210	Nghiên cứu Marketing	3			
6	BUS1108	Quản trị rủi ro	3			
7	BUS1109	Quản trị dự án đầu tư	3			
8	BUS1106	Quản trị sản xuất	3			
9	BUS1116	Quản trị bán hàng	3			
10	<b>BUS1102</b>	<b>Hành vi tổ chức</b> (Môn học tài năng)	3			
11	<b>BUS1202</b>	<b>Hành vi khách hàng</b> (Môn học tài năng)	3			
		<b>Các môn học tự chọn</b>				
1	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3			
2	LAW1508	Luật cạnh tranh	3			
3	BUS 1206	Quản trị thương hiệu	3			
4	BUS1207	Quản trị truyền thông	3			
5	BUS 1119	Quản trị chất lượng	3			
6	BUS1120	Quản trị hành chính văn phòng	3			
7	BUS1118	Quản trị hệ thống thông tin	2			
8	MIS1034	Thương mại điện tử	2			
9	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	2			
10	LAW1502	Luật hợp đồng	2			
11	BUS1305	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	2			
12	BUS1312	Kỹ năng tổ chức và quản lý sự kiện	2			
13	GEN1109	<b>Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo</b> (Môn học tài năng)	3			Bắt buộc SV chọn)

**10.2. Thực tập tốt nghiệp, học phần chuyên môn hoặc khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			GHI CHÚ
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/T N	
1	BUS1000	Thực tập	4		4	
2	BUS1001	Khóa luận tốt nghiệp	6	6		

**Ghi chú:**

- Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.
- Sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp thực hiện trong học kỳ 8. Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng.

**11) Danh mục các môn học tài năng:**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	PHẦN MỞ RỘNG			
			ĐỒ ÁN/ĐỀ TÀI (ĐÁNH DẤU X VÀO MỘT TRONG HAI HÌNH THỨC SAU)		LÝ THUYẾT BỔ SUNG	THÍ NGHIỆM/ THỰC HÀNH BỔ SUNG
			LỚP RIÊNG	KHÔNG CÓ LỚP RIÊNG		
1	BUS 1100	Quản trị học (Management)		X		
2	BUS 1102	Hành vi tổ chức (Organizational Behavior)		X		
3	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực (Human Resource Management)		X		
4	BUS1105	Quản trị chiến lược (Strategic Management)		X		
5	BUS 1200	Marketing căn bản (Fundamental Marketing)		X		
6	BUS 1205	Quản trị Marketing (Marketing Management)		X		
7	BUS1202	Hành vi khách hàng (Consumer Behavior)		X		
8	GEN1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X			
9	GEN1109	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	X			

## 12) Kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ

### HỌC KỲ I – 18TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>16</b>	<b>16</b>			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>2</b>	<b>2</b>			
5	GEN1101	Tâm lý học	2	2			
6	GEN1102	Nhập môn giao tiếp					
7	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3			

### HỌC KỲ II – 18 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>14</b>	<b>14</b>			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	<b>BUS 1100</b>	<b>Quản trị học căn bản (Môn học tài năng)</b>	3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2			MAT1001
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>4</b>	<b>4</b>			
6	GEN1105	Văn hóa học	2	2			
7	GEN1106	Xã hội học					
8	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2			
9	GEN1104	Quan hệ quốc tế					
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	2	2			
11	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t				

### HỌC KỲ III - 20TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi

		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>15</b>	<b>15</b>			
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3			
2	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3			ACC1013
<b>3</b>	<b>BUS 1200</b>	<b>Marketing căn bản</b> (Môn học tài năng)	3	3			
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			ECO1001 ECO1002
5	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3			MAT1001 MAT1002
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>5</b>				
<b>6</b>	<b>GEN1108</b>	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học</b> (Môn học tài năng)	3	3			Bắt buộc sv chọn
7	MIS1004	Tin học ứng dụng	<b>3 môn chọn 1</b>	2	2	1	
8	GEN1107	Logic học		2	3		
9	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2			
10	MAT1004	Kinh tế lượng (lịch học sẽ được bố trí vào học kỳ 4)		3	2	1	MAT1001 MAT1002 MAT1003

#### HỌC KỲ IV - 18 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>15</b>				
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	COM1001	Kinh tế quốc tế	2	2			
3	BUS 1111 FIN1102	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	3	3			FIN1101
4	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1		
<b>5</b>	<b>BUS 1105</b>	<b>Quản trị chiến lược</b> (Môn học tài năng)	3	3			BUS 1100 BUS 1200 BUS 1202 BUS 1210
<b>6</b>	<b>BUS 1102</b>	<b>Hành vi tổ chức</b> (Môn học tài năng)	3				BUS 1100 BUS 1200
		<b>Môn học tự chọn chuyên sâu (nếu có)</b>	<b>3</b>				
7	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	<b>Chọn 1 trong 2</b>			
8	LAW1502	Luật hợp đồng	3				

#### HỌC KỲ V - 18 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi

		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>12</b>				
1	BUS 1301	Văn hóa doanh nghiệp	3				BUS1100 BUS 1105
2	BUS 1306	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3				BUS1100 BUS 1103
3	<b>BUS 1103</b>	<b>Quản trị nguồn nhân lực</b> (Môn học tài năng)	3				BUS 1100
4	<b>BUS 1205</b>	<b>Quản trị Marketing</b> (Môn học tài năng)	3				BUS1200 BUS 1202
		<b>Môn học tự chọn chuyên sâu (nếu có)</b>	<b>6</b>				
5	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	Chọn 1 trong 2			
6	LAW1508	Luật cạnh tranh	3				
7	<b>GEN1109</b>	<b>Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo</b> (Môn học tài năng)	<b>3</b>				Bắt buộc sv chọn

### HỌC KỶ VI - 14 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>9</b>				
1	BUS1109	Quản trị dự án đầu tư	3				BUS 1111 FIN 1101
2	BUS1210	Nghiên cứu marketing	3				BUS 1205 BUS 1202
3	<b>BUS1202</b>	<b>Hành vi khách hàng</b> (Môn học tài năng)	3				BUS1100 BUS1200
		<b>Môn học tự chọn chuyên sâu (nếu có)</b>	<b>5</b>				
4	BUS1206	Quản trị thương hiệu	3	Chọn 1 trong 2			BUS 1205 BUS 1202
5	BUS1207	Quản trị truyền thông	3				
6	BUS1118	Quản trị hệ thống thông tin	2	Chọn 1 trong 2			
7	MIS1034	Thương mại điện tử	2				

### HỌC KỶ VII – 14 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>9</b>				
2	BUS1108	Quản trị rủi ro	3				BUS1111
3	BUS1106	Quản trị sản xuất	3				BUS1100

4	BUS1116	Quản trị bán hàng	3				BUS1100 BUS1200 BUS1111 BUS1205
		<b>Môn học tự chọn chuyên sâu (nếu có)</b>	<b>5</b>				
5	BUS1119	Quản trị chất lượng	3	Chọn 1 trong 2			BUS1100
6	BUS1120	Quản trị hành chính văn phòng	3				
7	BUS1305	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	2	Chọn 1 trong 2			BUS1100 BUS1205
8	BUS1312	Kỹ năng tổ chức và quản lý sự kiện	2				BUS1202

### HỌC KỲ VIII - 10 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS1000	Thực tập tốt nghiệp	4		4		
2	BUS1001	Khóa luận tốt nghiệp	6	6			

### KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

### 13) KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

#### Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				



3	BUS 1205	Quản trị marketing	3			
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3			
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3			
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	<b>Chọn 1 trong 2 môn</b>		
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh tế học(chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

**Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)**

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			

6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
---	---------	------------------	---	---	--	--	--

**Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)**

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

**Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			

4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

**Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)**  
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
<b>Nhóm 1</b>							
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1		
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1		
4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1		
<b>Nhóm 2</b>							
1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007	
2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012	
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012	
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	

**Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)**  
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
<b>Nhóm 1</b>							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
<b>Nhóm 2</b>							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			

2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

**Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

**Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

**Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

**14) Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:**

**1. Môn học: NHỮNG NGUYÊN LÝ CĂN BẢN CỦA CN MÁC –LÊNIN**

**Thời lượng:** 05 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả nội dung môn học:**

Theo chương trình được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo.

**2. Môn học: KINH TẾ VI MÔ 1 (MICROECONOMICS)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã được trang bị kiến thức toán phổ thông

**Mô tả nội dung môn học:**

Kinh tế vi mô là một nhánh của kinh tế học, cung cấp cho sinh viên những khối kiến thức cơ bản về kinh tế bao gồm: lý thuyết cung – cầu và cân bằng cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất và chi phí, hành vi của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo và không hoàn hảo, lý thuyết về thị trường các yếu tố sản xuất. Ngoài việc diễn giải bằng lời, môn học còn sử dụng các mô hình và giả định giúp người học hiểu rõ hơn cách thức đạt đến trạng thái cân bằng của thị trường, và những quyết định phối hợp tiêu dùng, phối hợp đầu vào hay lựa chọn mức sản lượng nhằm tối đa hóa lợi ích, tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu hoặc tối thiểu hóa chi phí sản xuất. Một cách tổng quát, nội dung môn học hướng đến việc phân tích và

diễn giải những vấn đề kinh tế thuộc phạm vi chi tiết, riêng lẻ, đồng thời trang bị những công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc học tập và nghiên cứu các sự kiện và hiện tượng kinh tế sâu sắc hơn.

### **3. Môn học: LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả nội dung môn học:**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước

### **4. Môn học: TOÁN CAO CẤP (ADVANCED MATHEMATICS)**

**Thời lượng:** 05 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** không

**Mô tả nội dung môn học:**

Trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế

### **5. Môn học: TÂM LÝ HỌC (PSYCHOLOGY)**

**Thời lượng:** 02 Tín chỉ (30 tiết)

**Điều kiện tiên quyết:** không

**Mô tả nội dung môn học:**

Môn học cung cấp kiến thức về các khái niệm hoạt động nhận thức, trí nhớ, đời sống tình cảm, hành động ý chí, nhân cách, giúp sinh viên hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến nhân cách con người.

### **6. Môn học: NHẬP MÔN GIAO TIẾP (BUSINESS COMMUNICATION INTRODUCTION)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả nội dung môn học:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về các hình thức, phương tiện giao tiếp trong kinh doanh.

### **7. Môn học: LUẬT DOANH NGHIỆP**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Pháp luật đại cương

**Mô tả môn học:**

Sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế.

## **8. Môn học: KINH TẾ VĨ MÔ 1 (MACROECONOMICS)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp- C, Môn giới thiệu ngành Kinh doanh quốc tế, Kinh tế học vĩ mô

### **Mô tả môn học:**

Môn học gồm 9 chương tập trung các nội dung cơ bản sau:

Nghiên cứu cơ chế vận hành và các yếu tố quyết định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô; và đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

Xác định tổng cung, tổng cầu và vai trò, tác động của chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương và chính sách tỷ giá đối với nền kinh tế.

Nguyên cứu, tìm hiểu mối quan hệ giữa các chỉ số kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

## **9. Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:**

### **Mô tả môn học:**

Nội dung môn học là những kiến thức nền tảng về kế toán bao gồm bản chất của kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp kế toán trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin BCTC

## **10. Môn học: QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN (MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

### **Mô tả môn học:**

Quản trị học cung cấp cho người học những chức năng và kỹ năng quản trị để thực hiện các hoạt động trong một tổ chức nhằm kết hợp các hoạt động cá nhân riêng lẻ với nhau trong một tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những tác động của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức ảnh hưởng đến việc lựa chọn đến việc ban hành quyết định hiệu quả của của một tổ chức. Thông tin được coi là giữ liệu đầu vào giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định. Chức năng của quản trị học bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra được coi là nguyên lý căn bản được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản trị.



Để học tốt môn này, sinh viên cần chủ động đọc tài liệu, lắng nghe giảng viên chia sẻ kiến thức trên lớp, khuyến khích tìm hiểu các tình huống kinh doanh thực tiễn đăng trên báo chí, tập phân tích chúng dưới góc nhìn của nhà quản trị. Thảo luận nhóm để hiểu sâu phần lý thuyết, cũng như các bài tập tình huống từ thực tế hoạt động kinh doanh. Trang bị cho sinh viên kỹ năng thuyết trình và tương tác về những vấn đề chưa được thống nhất.

Quản trị học là môn học rộng phục vụ cho mọi định hướng nghề nghiệp, không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh mà cả trong lĩnh vực phi kinh doanh; không chỉ đối với hoạt động của tổ chức mà cả đối với hoạt động cá nhân riêng lẻ; bởi lẽ, để hoạt động có hiệu quả thì ở lĩnh vực nào cũng cần thiết phải có kiến thức quản trị.

### **Mục tiêu môn học:**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị trong tổ chức như công tác hoạch định, công việc của tổ chức, tiến hành điều khiển và kiểm tra. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cốt lõi: hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị học, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S. Bloom (1956).

## **11. Môn học: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT (PROBABILITY AND STATISTICS)**

**Thời lượng:** 02 ín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp

### **Mô tả nội dung môn học:**

Kết thúc môn học, sinh viên nắm được các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

## **12. Môn học: VĂN HÓA HỌC (CULTURISM)**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

### **Mô tả nội dung môn học:**

Cùng với sự phát triển không ngừng của các ngành khoa học, kỹ thuật hiện đại, văn hoá trở thành nhịp cầu cho sự giao lưu, hợp tác trên tất cả các lĩnh vực. Môn học văn hóa học, trang bị cho người học những kiến thức và phương pháp tiếp cận sự hiểu biết văn hoá nói chung, cũng như cách thức tiếp cận các lĩnh vực chuyên sâu của văn hoá học nói riêng.

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau:

Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học.

Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học.

Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch.

Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới

### **13. Môn học: XÃ HỘI HỌC (SOCIOLOGY)**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả nội dung môn học:**

Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

### **14. Môn học: ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI (POLITIC POLICIES IN THE WORD)**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả nội dung môn học:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

### **15. Môn học: QUAN HỆ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL RELATIONS)**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả nội dung môn học:**

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,...

Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những

phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

## **16. Môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**Thời lượng:** 05 tín chỉ

### **Mô tả nội dung môn học:**

Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

## **17. Môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG**

**Thời lượng:** 08 tín chỉ (165 tiết)

### **Mô tả nội dung môn học:**

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh

## **18. Môn học: ANH VĂN (ENGLISH)**

**Thời lượng:** 20 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

### **Mô tả nội dung môn học:**

Trang bị cho người học các kỹ năng và ngôn ngữ (language skills) gồm có các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để khi ra trường sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường làm việc. Thông qua các kỹ năng về ngôn ngữ và các hoạt động đa dạng trong lớp, trang bị cho người học các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (business communication skills) là phần thuộc về các kỹ năng mềm (soft skills) rất cần để có thể làm việc có hiệu quả trong môi trường thương mại

### **Mục tiêu môn học:**

Khối kiến thức cơ bản 1: Trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản để có thể giao tiếp đơn giản ở môi trường làm việc. Trình độ sơ cấp, hướng đến tương ứng với mức trình độ CEFR A2.

Khối kiến thức cơ bản 2: Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết lên mức có thể giao tiếp một cách độc lập trong một số tình huống hạn chế. Trình độ sơ trung cấp, hướng đến tương ứng với mức trình độ CEFR B1+.

Khối kiến thức anh văn thương mại: Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết lên mức có thể giao tiếp một cách độc lập trong một số tình huống thương mại. Trình độ trung cấp, hướng đến tương ứng với TOEIC 500, IELTS 6.5 – 7.0

## **19. Môn học: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin

**Mô tả nội dung môn học:**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

## **20. Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Nguyên lý kế toán

**Mô tả nội dung môn học:**

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận các phần hành kế toán cơ bản: Kế toán các quá trình SX-KD chủ yếu của doanh nghiệp; Kế toán các khoản đầu tư; Kế toán các khoản vay; Kế toán hoạt động khác và xác định KQKD; Kế toán vốn chủ sở hữu và tìm hiểu một số quy định, cơ sở dữ liệu, nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

**Mục tiêu môn học:**

Kiến thức: áp dụng kiến thức cơ bản về kế toán tài chính để giải quyết một số vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán;

Kỹ năng tổ chức nghề nghiệp và thực hành kế toán – kiểm toán: có thể tham gia vào công việc tư vấn kế toán, tài chính và thuế trong các doanh nghiệp;

Khả năng học tập suốt đời: có khả năng tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về nghề nghiệp kế toán – kiểm toán.

## **21. Môn học: MARKETING CĂN BẢN (FUNDAMENTAL MARKETING)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả nội dung môn học:**

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh, để thành công trong các hoạt động sản xuất kinh doanh thì yếu tố đầu tiên quyết định sự thành bại mà các nhà sản xuất không thể bỏ qua chính là yếu tố khách hàng. Khách hàng là yếu tố then chốt quyết định, chi phối tất cả các

hoạt động của doanh nghiệp và của đối thủ cạnh tranh. Do vậy, nắm bắt được nhu cầu của khách hàng và tìm cách chuyển giao những giá trị của sản phẩm hay dịch vụ để thoả mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng trở thành yếu tố then chốt cho sự thành công của các doanh nghiệp. Khoa học tìm hiểu về thị trường mà trọng tâm là nhu cầu của khách hàng chính là marketing. Chính vì lẽ đó ngay từ khi ra đời cho đến nay marketing ngày càng khẳng định vai trò của nó trong hoạt động của các doanh nghiệp cũng như trong mọi tổ chức.

Những kiến thức căn bản về nhu cầu của khách hàng, về quá trình quyết định mua của khách hàng, đối thủ cạnh tranh, vai trò của các trung gian trong hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, thương hiệu và giá trị thương hiệu và vai trò của hoạt động quảng bá truyền thông.v.v là những nội dung cốt lõi của môn học marketing căn bản. Các nội dung cốt lõi của môn học marketing căn bản được trình bày cụ thể trong bảng dưới đây:

### **Mục tiêu môn học:**

Môn học nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về Marketing, bao gồm các khái niệm, các nội dung, quy trình hoạt động marketing trong các tổ chức như: vai trò, chức năng của hoạt động marketing; môi trường marketing và nghiên cứu marketing; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu; triển khai các chiến lược marketing hỗn hợp trong sản phẩm vật chất và dịch vụ (4P, 7P và 4C),v.v

Nó là tiền đề để nghiên cứu chuyên sâu các môn học chuyên ngành như: Nghiên cứu marketing; Quản trị marketing; Marketing dịch vụ; Quản trị bán hàng; Quản trị thương hiệu; Kỹ năng bán hàng.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn học marketing căn bản, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956). Cụ thể, sinh viên có thể nhớ (mức độ 1), hiểu (mức độ 2), và bước đầu vận dụng(mức độ 3), một số kiến thức cốt lõi của marketing trong học tập và vận dụng trong công việc kinh doanh cũng như các lĩnh vực có liên quan đến marketing.

## **22. Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

### **Mô tả nội dung môn học:**

Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm bắt được các vấn đề mang tính lý luận lẫn thực tiễn về hệ thống tài chính quốc gia, nguyên tắc hoạt động của các trung gian tài chính. Đây là những kiến thức nền tảng bắt buộc phải nắm vững để tiếp tục học các môn học khác như: Tiền tệ ngân hàng, Quản trị tài chính, Thị trường chứng khoán, Ngân hàng thương mại, Tài chính quốc tế.

### **Mục tiêu môn học:**

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài chính và hệ thống tài chính, hoạt động của thị trường tài chính và các công cụ trên thị trường tài chính, hoạt động của ngân hàng

thương mại và các tổ chức tài chính phi ngân hàng, các lý thuyết tài chính như lý thuyết lượng cầu tài sản, lý thuyết dự tính, lý thuyết môi trường ưu tiên...

Giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề; các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

Giúp cho sinh viên phát triển phương pháp tư duy kinh tế và ứng dụng vào phân tích những sự kiện, hiện tượng, chính sách trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng với những kiến thức đã học.

### **23. Môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG (APPLIED STATISTICS)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

**Mô tả nội dung môn học:**

Cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

### **24. Môn học: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (SCIENCE RESEARCH METHODS)**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

**Mô tả nội dung môn học:**

Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

### **25. Môn học: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM (TEAMWORK SKILL)**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

**Mô tả nội dung môn học:**

Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải áp dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học. Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây

dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng trình bày; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả. Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng như làm việc trong lĩnh vực kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng, ... Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp sinh viên hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.

### **Mục tiêu môn học:**

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về làm việc nhóm để duy trì tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được khả năng vận dụng các lý thuyết cơ bản trong làm việc nhóm để lập luận và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nhóm và trong kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ biết cách thành lập, xây dựng và phát triển nhóm. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện và phát huy các kỹ năng làm việc nhóm như: Kỹ năng thành lập nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành một số kỹ năng như kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, ...

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn Kỹ năng làm việc nhóm nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S. Bloom (1956).

## **26. Môn học: TIN HỌC ỨNG DỤNG (GENERAL INFORMATICS)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp

### **Mô tả nội dung môn học:**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tin học căn bản về thông tin – quản lý thông tin, hệ điều hành và phần mềm hỗ trợ, internet, và một số ứng dụng cơ bản để sinh viên có thể sử dụng trong học tập như tra cứu thông tin, soạn thảo văn bản...

## **27. Môn học: LOGIC HỌC (SCIENCE OF LOGIC)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

### **Mô tả nội dung môn học:**

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam. Những kiến thức về logic học sẽ tạo

điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

## **28. Môn học: KINH TẾ LƯỢNG ((ECOMOMETRIC)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** TCC, LTXS, TKUD

### **Mô tả nội dung môn học:**

Môn học này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

## **29. Môn học: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Những nguyên lý căn bản của CN Mác - Lê nin

### **Mô tả nội dung môn học:**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

## **30. Môn học: KINH TẾ QUỐC TẾ**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học các môn Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô.

### **Mô tả môn học:**

Cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và để hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của VN.

## **31. Môn học: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (FINANCIAL MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học, Lý thuyết tài chính tiền tệ

### **Mô tả nội dung môn học:**

Môn học xem xét hoạt động tài chính của một tổ chức, thông qua các kiến thức về giá trị thời gian của tiền tệ, các chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính, công tác quản trị vốn lưu động và vốn dài hạn, quản trị nguồn tài trợ, ... từ đó giúp sinh viên có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc đánh giá hiệu quả tài chính của một doanh nghiệp, phân tích và



hoạch định tài chính, ra các quyết định tài chính quan trọng để tối đa hóa hoạt động, tối đa hóa giá trị và quản trị dòng tiền đạt mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp. Môn học đặt trọng tâm vào việc đảm bảo cho sinh viên vừa hiểu một cách trực quan, vừa nắm bắt một cách chặt chẽ những lý thuyết nền tảng về quản trị tài chính và cách thức ứng dụng các nội dung đó vào trong thực tiễn.

**Mục tiêu môn học:**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hoạt động tài chính của doanh nghiệp; lý thuyết xác định quan hệ rủi ro và lợi nhuận, định giá chứng khoán; các nguyên lý và các kỹ thuật, công cụ phân tích để ra các quyết định quản trị tài chính, đặc biệt là quyết định đầu tư và quản trị vốn lưu động nhằm đạt được mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể phân tích, đánh giá tình hình tài chính và quản trị hoạt động tài chính để đạt được mục tiêu của tổ chức. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S. Bloom (1956)

**32. Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả nội dung môn học:**

Môn học gồm 2 phần.

Phần I : Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên).

Phần II : Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất

**33. Môn học: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC (STRATEGIC MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Hành vi khách hàng, Nghiên cứu marketing

**Mô tả nội dung môn học:**

Quản trị chiến lược là quá trình phân tích môi trường chiến lược để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh vốn ngày càng khan hiếm trong giai đoạn hiện nay cũng như phát hiện chủ động và có chiến lược né tránh hiệu quả các đe dọa đến từ các đối thủ cạnh tranh trực tiếp và đối thủ tiềm ẩn đang ngày trở nên gay gắt hiện nay. Ngoài ra, phân tích nội tại doanh nghiệp để chủ động phát huy các điểm mạnh và hạn chế các điểm yếu nhằm giúp doanh nghiệp chủ động trong việc tận dụng các cơ hội và né tránh các đe dọa để xây dựng các chiến lược phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tổ chức, của giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay. Đây thực sự là những công đoạn quyết định đến sự tồn tại và phát triển của tổ chức kinh doanh. Làm thế nào để xây dựng được các giá trị, năng lực cạnh tranh cốt lõi cho doanh nghiệp để xây dựng chiến lược, thực thi và kiểm soát chiến lược hiệu quả trong giai đoạn cạnh tranh toàn cầu như hiện nay? Môn học Quản trị chiến lược sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức và kỹ năng trong quản trị chiến lược để ứng dụng vào lĩnh vực nghiên cứu và thực tế sau khi ra trường. Nội dung môn học được tóm lược trong những phần sau:

- Giới thiệu nguồn gốc chiến lược, các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược cũng như vai trò vị trí và mối quan hệ của quản trị chiến lược với các lĩnh vực khác trong hoạt động kinh doanh của mỗi tổ chức.

- Ý nghĩa, vai trò và ứng dụng được tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu doanh nghiệp

- Phân tích về môi trường kinh doanh, phân tích nội bộ doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh để từ đó xây dựng chiến lược kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược nhằm đạt hiệu quả cao trong quản trị

- Hoạt động kiểm tra trong quản trị, những nội dung cần được kiểm tra và các hoạt động điều chỉnh sau kiểm tra.

- Khám phá năng lực bản thân để sẵn sàng cho việc trở thành nhà quản trị chiến lược thành công trong tương lai.

### **Mục tiêu môn học:**

Sau khi kết thúc môn học Quản trị chiến lược, sinh viên nhận thức rõ được:

Hoạch định, tổ chức, triển khai và kiểm tra đánh giá chiến lược là các giai đoạn quyết định đến việc thành lập và tồn tại và phát triển của mọi tổ chức kinh doanh. Do đó, sinh viên sẽ hiểu rõ vai trò, vị trí của quản trị chiến lược trong tổng thể hoạt động của tổ chức và mối quan hệ của chúng với nhau.

Sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng trong việc phân tích môi trường, xây dựng chiến lược, triển khai chiến lược và kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh nhằm đạt được 2 mục tiêu chính: Duy trì sự tồn tại của tổ chức và phát triển tổ chức kinh doanh phù hợp với sự phát triển, vận động của xu thế kinh tế trong thời kỳ hội nhập.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị chiến lược, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp

ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

#### **34. Môn học: HÀNH VI TỔ CHỨC (ORGANIZATIONAL BEHAVIOR)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

**Mô tả nội dung môn học:**

Môn Hành vi tổ chức cung cấp những kiến thức cơ sở cần thiết cho nhà quản trị dựa trên nền tảng của nghiên cứu tâm lý học, xã hội học. Giúp các nhà quản trị tương lai hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Nhà quản lý nào cũng cần có kỹ năng quan hệ con người tốt để có thể quản lý cấp dưới, giao tiếp với cấp trên, quản trị thành công sự thay đổi của tổ chức. Những kiến thức kỹ năng này càng có ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam, khi các doanh nghiệp, các tổ chức đều đang buộc phải đổi mới

**Mục tiêu môn học :**

Môn học nghiên cứu về các hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tổ chức. Từ đó tìm hiểu những thay đổi, những xung đột về hành vi giữa các cá nhân, giữa các nhóm trong tổ chức nhằm mục đích thiết kế và thay đổi hành vi tổ chức đạt hiệu quả cao hơn trong kinh doanh, trong giao tiếp. Môn học sẽ giúp sinh viên có được những kiến thức về hành vi tổ chức, chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như có thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc và phát triển bản thân trong bất kỳ tổ chức nào.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn hành vi tổ chức, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của BenjaminS.Bloom (1956).

#### **35. Môn học: LUẬT HỢP ĐỒNG**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Những vấn đề chung về Luật Dân sự, Pháp luật về Tài sản và quyền sở hữu

**Mô tả môn học:**

Môn học “Các hợp đồng thông dụng” bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến các loại hợp đồng được sử dụng phổ biến trong đời sống dân sự cũng như trong hoạt động thương mại. Các hợp đồng này có thể được quy định trong các văn bản pháp luật khác nhau.

**Mục tiêu của môn học:**

Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn về hợp đồng và pháp luật hợp đồng

### **36. Môn học: VĂN HÓA DOANH NGHIỆP (CORPORATE CULTURE)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

**Mô tả môn học:**

Người học sẽ được trang bị kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp: các yếu tố và các phương diện của văn hóa doanh nghiệp. Ba mức độ nhận thức văn hóa doanh nghiệp; các đặc điểm văn hóa khác nhau của các quốc gia khác nhau qua sự phân chia lớn bởi 3 nhà nghiên cứu lớn về văn hóa phương Tây và nhà văn hóa VN lần lượt là Geert Hofstede; Fons Trompenaars and Edgar H Schein; Trần ngọc Thêm

Từ những đặc điểm văn hóa lớn ấy giảng viên sẽ chỉ rõ những ảnh hưởng của chúng đến các hành xử trong quản trị và kinh doanh của các doanh nghiệp phương Đông và Phương Tây.

Đặc biệt là Giảng viên sẽ phân tích tác động của Văn hóa Việt Nam đối với người lãnh đạo doanh nghiệp và đối với các doanh nghiệp VN nói chung. Học xong môn này người học sẽ thấu hiểu được những nguyên nhân văn hóa gốc rễ của các hành xử của doanh nghiệp trong nội bộ và với môi trường kinh doanh, Từ đó người học sẽ nhanh chóng hòa nhập vào doanh nghiệp khi vào làm việc.

**Mục tiêu của môn học:**

Trang bị cho người học kiến thức tổng quan về chức năng của văn hóa trong kinh doanh và kinh doanh quốc tế; Người học sẽ hiểu được các tác động của văn hóa dân tộc đối với văn hóa doanh nghiệp, nắm được cấu trúc các lớp của văn hóa doanh nghiệp, các giai đoạn hình thành, thay đổi văn hóa doanh nghiệp.

Học xong môn học người học sẽ nắm được các bước và các kỹ năng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn Văn hóa doanh nghiệp, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S. Bloom (1956).

### **37. Môn học: KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH (COMMUNICATION SKILLS IN BUSINESS)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị hành chính văn phòng

**Mô tả môn học:**

Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh gồm kiến thức về các phương tiện giao tiếp trong kinh doanh và cách thực hiện các kỹ năng trong từng trường hợp cụ thể. Nó giúp người học nhận biết được cần phải thực hiện một cấu trúc hoạt động giao tiếp như thế nào, phải lên kế hoạch giao tiếp ra sao? Sử dụng hình thức giao tiếp nào? Trong các kỹ năng đó cần chú trọng kỹ năng nào để đạt đến mục đích giao tiếp? Môn học này dành cho mọi cá nhân

muốn tìm hiểu, tra dồi cho hoạt động giao tiếp nói chung và đặc biệt là trong kinh doanh nói riêng.

**Mục tiêu môn học:**

Sau khi kết thúc môn học sinh viên nắm vững được những kiến thức, kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống và kinh doanh, từ đó phát triển khả năng giao tiếp trong từng trường hợp cụ thể và có những nhận định nhanh chóng trong từng trường hợp để đưa ra biện pháp giao tiếp phù hợp. Nhờ vậy sinh viên tăng khả năng phân tích, ứng biến với các tình huống cụ thể để làm tăng sự thành công, giành được ưu thế khi giao tiếp. Qua đó giúp tăng hiệu quả hoạt động, sản xuất kinh doanh của tổ chức và ngày càng thành công hơn trong kinh doanh

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

**38. Môn học: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC (HUMAN RESOURCE MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

**Mô tả môn học:**

Nguồn nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất của bất kỳ tổ chức nào, do đó quản trị nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với thành công của tổ chức. Môn học này cũng giúp người học hiểu sâu và phân biệt rõ sự khác biệt giữa: Quản trị nguồn nhân lực và Quản trị nhân sự. Quản trị nguồn nhân lực không phải theo nghĩa hành chính, áp đặt chính sách như trong quản trị nhân sự mà là một sự tìm kiếm mối quan hệ giữa bản chất công việc và khả năng người thực hiện công việc đó, cải thiện nó, nhằm mục đích đạt hiệu quả tối đa cho tổ chức trên cơ sở sử dụng một cách có hiệu quả nhất nguồn nhân lực của mình. Cụ thể hơn, quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức nói chung là tất cả các hoạt động của tổ chức đó nhằm áp dụng những nguyên tắc pháp định để xây dựng, phát triển, sử dụng, đánh giá, bảo toàn và gìn giữ một lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu công việc của tổ chức cả về phương diện định lượng (số lượng nguồn nhân lực) và định tính (năng lực của nhân viên và động lực làm việc của họ).

Môn học này không chỉ dành cho những người mong muốn nghiên cứu, thực hành chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực, mà dành cho tất cả những ai đang và sẽ làm quản lý từ cấp thấp tới cấp cao trong mọi doanh nghiệp và các tổ chức. Với hiểu biết đầy đủ về quản trị nguồn nhân lực, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực còn lại trong một tổ chức.

**Mục tiêu môn học:**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức như thu hút, đào tạo phát triển, đánh giá hiệu suất công việc, trả công lao động và duy trì nhân viên. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ

bản, những kỹ năng quản trị nguồn nhân lực cũng giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cơ bản: tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc của tổ chức và thỏa mãn nhu cầu phát triển bản thân của từng nhân viên.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị nguồn nhân lực, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

### **39. Môn học: QUẢN TRỊ MARKETING (MARKETING MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học, Marketing căn bản

#### **Mô tả môn học:**

Môn học “Quản trị Marketing” nhằm trình bày về những lý thuyết, quan điểm cơ bản về hoạt động quản trị marketing. Cung cấp cho người học những kiến thức về phân tích cơ hội marketing, kỹ thuật phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu. Người học tìm hiểu các vấn đề hoạch định các chiến lược marketing, những kiến thức và kỹ năng hoạch định các kế hoạch hành động, tổ chức và điều khiển triển khai các hoạt động marketing và kiểm soát công tác marketing. Phương pháp học phù hợp nhất là phương pháp trực quan nghĩa là người học trực tiếp nghe giảng viên truyền đạt các kiến thức và tư liệu thực tế về môn học và phương pháp thực hành nghĩa là sinh viên dựa trên các tình huống thực tế của các doanh nghiệp đang xảy ra trên thị trường Việt Nam và áp dụng kiến thức lý thuyết đã học để đưa ra giải pháp tối ưu cho vấn đề mình xem xét. Môn học giúp người học có khả năng phân tích về năng lực của doanh nghiệp và sự cạnh tranh của đối thủ về hoạt động marketing.

#### **Mục tiêu môn học:**

Trang bị cho sinh viên kiến thức cụ thể trong việc phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến việc đưa ra một quyết định Marketing (môi trường – đối thủ cạnh tranh – khách hàng) và giúp sinh viên cách lên một kế hoạch Marketing cụ thể cho một giai đoạn cạnh tranh nhất định. Kết thúc môn học sinh viên sẽ có một số kiến thức và kỹ năng liên quan đến quá trình hoạch định các kế hoạch và chương trình Marketing. Kết thúc môn học sinh viên sẽ có khả năng phân tích vấn đề, tạo ra những cái nhìn bao quát và chi tiết khi phân tích một vấn đề và trình bày vấn đề về lĩnh vực Marketing.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn Quản trị Marketing, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

### **40. Môn học: LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ (INTELLECTUAL PROPOERTY LAW)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Pháp luật đại cương

### **Mô tả nội dung môn học:**

Giúp sinh viên biết và hiểu được vai trò của tài sản trí tuệ trong nền kinh tế và biết cách vận dụng quy định của pháp luật để làm tăng giá trị của tài sản trí tuệ; Giúp sinh viên có thể sử dụng đúng các thuật ngữ pháp lý; Giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc giải quyết tình huống; Hỗ trợ sinh viên phân tích, đánh giá quy định của pháp luật; Giúp sinh viên có ý thức và biết cách chấp hành pháp luật và hướng dẫn cho những người khác.

Môn học giới thiệu những vấn đề lý luận chung về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ; các khuôn khổ pháp luật Việt Nam và quốc tế về sở hữu trí tuệ như, những chế định cụ thể về quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; vấn đề chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và việc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ

### **Mô tả nội dung môn học:**

Nguồn nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất của bất kỳ tổ chức nào, do đó quản trị nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với thành công của tổ chức. Làm thế nào để quản lý những con người trong một doanh nghiệp? Môn học Quản trị Nguồn nhân lực sẽ giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản và những kỹ năng để thực hành quản trị nguồn nhân lực. Sinh viên sẽ có thể tuyển dụng nhân viên mới; đào tạo, phát triển, đánh giá kết quả làm việc và trả công cho người lao động; và duy trì một môi trường làm việc tốt cho cả đời sống người lao động và việc tăng năng suất lao động của công ty.

Môn học này không chỉ dành cho những sinh viên mong muốn làm chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực, mà dành cho tất cả những ai đang và sẽ làm quản lý từ cấp thấp tới cấp cao trong mọi doanh nghiệp và các tổ chức khác. Với hiểu biết đầy đủ về quản trị nguồn nhân lực, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực còn lại trong một tổ chức.

## **41. Môn học: LUẬT CẠNH TRANH**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên phải nắm vững kiến thức về pháp luật hợp đồng, pháp luật về thương mại và pháp luật về công ty – đây là điều kiện tiên quyết;

Sinh viên cần có thêm kiến thức về kinh tế học, về kinh tế thể chế và các kiến thức xã hội khác.

### **Mô tả môn học:**

Những vấn đề chung về pháp luật cạnh tranh nghiên cứu cơ sở kinh tế định hình pháp luật cạnh tranh và các nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh như đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh, tương quan giữa pháp luật cạnh tranh và những lĩnh vực pháp luật khác;

Pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh nghiên cứu những phương thức tiếp cận của pháp luật về việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh, các quy định về hành vi này trong pháp luật và nguyên tắc xử lý;

Pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh tập trung nghiên cứu về các nguyên lý kinh tế được áp dụng trong pháp luật để xây dựng khung pháp luật nhận diện và kiểm soát quyền lực thị trường; nghiên cứu các dạng hành vi hạn chế cạnh tranh cơ bản bao gồm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh và tập trung kinh tế.

Tổ tụng cạnh tranh nghiên cứu cơ cấu tổ chức bộ máy thực thi pháp luật cạnh tranh và trình tự tổ tụng cạnh tranh.

### **Mục tiêu môn học:**

Mục tiêu chung: môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về pháp luật cạnh tranh về các nguyên lý xây dựng pháp luật cạnh tranh, các cấu trúc cơ bản của pháp luật cạnh tranh.

Mục tiêu cụ thể: Sinh viên học môn học này sẽ có được kiến thức chuyên sâu về pháp luật xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh, phương thức và nội dung của pháp luật kiểm soát độc quyền, pháp luật chống thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và phương thức kiểm soát tập trung kinh tế. Bên cạnh đó, các kiến thức của môn học còn đảm bảo cho sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về tổ tụng cạnh tranh – một loại tổ tụng lưỡng tính trong hệ thống pháp luật hiện hành.

## **42. Môn học: TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO (PSYCHOLOGY OF LEADERSHIP)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

### **Mô tả môn học:**

Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo ( Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý.

Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. *Kỹ năng Phong cách* với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. *Kỹ năng Quyền hạn, quyền lực* với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. *Kỹ năng Động viên, thuyết phục* với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: Căn bản, An toàn, Xã hội, tôn trọng, Thể hiện. *Kỹ năng Tâm lý* với 3 thuộc tính của Tâm lý: Tính khí, Tính cách, Năng lực.

### **Mục tiêu môn học:**

Giúp sinh viên nắm vững kiến thức về bản chất con người, cách thức *vận dụng* các *kỹ năng lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý)* làm *phương tiện* để đạt được



mục tiêu trong quản lý.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn Tâm lý và Nghệ thuật lãnh đạo, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

#### **43. Môn học: QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (PROJECT MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học, Quản trị tài chính

##### **Mô tả môn học:**

Môn học xem xét các vấn đề liên quan đến cách thức triển khai một dự án cụ thể, qua đó giúp sinh viên sẽ có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc soạn thảo một hồ sơ dự án hoàn chỉnh cho hoạt động ra quyết định đầu tư và thu hút nguồn tài trợ, và sự ủng hộ từ các bên liên quan trong dự án. Môn học cũng tiếp cận các nguyên tắc và các mảng nội dung quản trị quan trọng cần cho một dự án. Sinh viên sẽ vận dụng những hiểu biết, kiến thức về quản trị, marketing, tài chính, phân tích lợi ích – chi phí vào cho hoạt động lập, thẩm định và quản trị một dự án đầu tư. Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học vào quản lý các chương trình, kế hoạch theo hướng quản lý dự án nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

##### **Mục tiêu môn học:**

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức lý thuyết, rèn luyện những kỹ năng và những ứng dụng thực tế về những vấn đề liên quan đến hoạt động lập, thẩm định và quản trị dự án đầu tư để áp dụng cho tình huống kinh doanh trong môi trường kinh tế hiện đại.

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể tự lập và thực hiện thẩm định các dự án đơn giản một cách bài bản, hoặc tham gia vào quản lý các dự án của tổ chức. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

#### **44. Môn học: NGHIÊN CỨU MARKETING (MARKETING RESEARCH)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Marketing căn bản, Thống kê, Quản trị học, Đạo đức trong kinh doanh, Kỹ năng giao tiếp

##### **Mô tả môn học:**

Để quản trị tốt một doanh nghiệp thì phải quản trị được tương lai của doanh nghiệp, mà muốn quản trị được tương lai thì phải quản trị được thông tin. Do đó, hầu hết mọi nhà quản trị sẽ phải tìm kiếm thông tin khách quan và đúng lúc để giúp họ đưa ra những quyết định kinh doanh có căn cứ, mà họ sẽ gặp phải trong suốt con đường sự nghiệp kinh doanh. Vì thế nghiên cứu marketing đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự thành công của hoạt động marketing của bất kỳ tổ chức nào. Khóa học này là cơ hội để sinh viên học về quá trình hoạch định và thu thập được những thông tin thích hợp, khách quan, chính xác và đúng lúc. Từ đó hiểu rõ kỳ vọng và nhu cầu thực tiễn của thị trường

mục tiêu, và dựa vào đó mà đưa ra những quyết định quan trọng trong quản trị marketing như phân khúc khách hàng, định vị phù hợp thương hiệu, xây dựng và triển khai các chiến lược marketing thực thi thành công. Cuối cùng, đối với một số sinh viên, môn học nghiên cứu marketing sẽ là phần giới thiệu để họ lựa chọn nghề nghiệp.

Môn học này không chỉ dành cho những người mong muốn nghiên cứu, thực hành chuyên sâu về nghiên cứu marketing, mà dành cho tất cả những ai đang và sẽ làm quản lý marketing trong mọi tổ chức biết cách đánh giá phân tích tính hiệu quả của một dự án nghiên cứu marketing. Với hiểu biết đầy đủ về nghiên cứu marketing, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn thông tin trong một tổ chức.

### **Mục tiêu môn học:**

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu marketing trong tổ chức như Xác định có cần thiết nghiên cứu marketing hay không, Xác định vấn đề marketing, Xác định vấn đề nghiên cứu marketing, Xác định danh mục dữ liệu cần thu thập, Nhận diện nguồn gốc dữ liệu, Xác định kỹ thuật thu thập dữ liệu, Thu thập dữ liệu, Phân tích và Diễn dịch dữ liệu, Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Bên cạnh những kiến thức cơ bản, những kỹ năng nghiên cứu marketing cũng giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cơ bản: tăng hiệu quả công việc của tổ chức và thỏa mãn nhu cầu phát triển bản thân của từng nhân viên.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn nghiên cứu marketing, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

## **45. Môn học: HÀNH VI KHÁCH HÀNG (CONSUMER BEHAVIOR)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Marketing căn bản

### **Mô tả môn học:**

Nghiên cứu hành vi khách hàng là giai đoạn quyết định đến việc xác định được nhu cầu tiêu dùng của khách hàng giúp doanh nghiệp lựa chọn đúng phân khúc khách hàng mục tiêu, định vị đúng sản phẩm/thương hiệu trên thị trường và có các chiến lược, kế hoạch hiệu quả trong Marketing cũng như sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu hành vi khách hàng sau mua tác động để hiệu quả các chiến lược duy trì khách hàng, khách hàng trung thành và sự quay lại của khách hàng. Phương pháp tốt nhất để sinh viên tiếp cận kiến thức và thực hành kỹ năng trong môn học này là phương pháp suy luận, phản biện, nghĩa là sinh viên lắng nghe giảng viên trình bày vấn đề và từ đó suy luận ra vấn đề cần nắm bắt, đồng thời biết cách đặt lại các câu hỏi để làm rõ hay phát triển vấn đề giảng viên trình bày, thực hành các tình huống thực tế. Môn học này sẽ giúp người học nhận biết, đánh giá tâm lý và hành vi khách hàng, biết cách tìm hiểu và nghiên cứu tâm lý và hành vi của khách hàng cho một thương hiệu hay sản phẩm/dịch vụ cụ thể để; từ đó định vị đúng thương hiệu, sản phẩm/dịch vụ trên thị trường, xác định đúng khách hàng mục tiêu và tiềm năng.

Theo đó, người học sẽ áp dụng vào công việc thực tế như xây dựng những chiến lược, kế hoạch Marketing phù hợp với tâm lý và hành vi tiêu dùng của phân khúc khách hàng mục tiêu và tiềm năng.

Với những nội dung trên, môn học này không chỉ dành cho những người mong muốn nghiên cứu, thực hành chuyên sâu về nghiên cứu hành vi khách hàng, nghiên cứu thị trường, mà dành cho tất cả những ai đang và sẽ làm quản lý cấp thấp trong các doanh nghiệp như trợ lý quản lý nhân, trưởng nhóm nhân, và củng cố kiến thức nền tảng cho những quản lý cấp cao về Marketing mà chưa được bài bản trước đó.

#### **Mục tiêu môn học:**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để nhận biết và hiểu những yếu tố tác động đến tâm lý và hành vi khách hàng, mối quan hệ giữa chúng, hiểu quy trình ra quyết định mua của khách hàng, từ đó áp dụng vào định vị và phân khúc khách hàng. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức và tâm lý và hành vi khách hàng sau mua, sử dụng sản phẩm/dịch vụ.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn Hành vi khách hàng, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956)

#### **46. Môn học: QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU (BRANDMANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Marketing căn bản, Quản trị marketing

#### **Mô tả môn học:**

Đây là môn học trang bị cho sinh viên có được kiến thức và kỹ năng chuyên sâu và thực tế về các hoạt động xây dựng & phát triển thương hiệu.

Để học tốt môn này, ngoài giờ học trên lớp, sinh viên cần tự nghiên cứu, tìm tòi và tham dự các hội thảo về thương hiệu để cập nhật xu hướng, công nghệ truyền thông mới.

Môn học này sẽ giúp cho sinh viên theo đuổi nghề marketing, thương hiệu chuyên nghiệp sau khi tốt nghiệp

#### **Mục tiêu môn học:**

Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức, kỹ năng hoạch định xây dựng thương hiệu trong thực tiễn và có thể bắt tay ngay trong việc triển khai các hoạt động xây dựng & phát triển thương hiệu tại doanh nghiệp.

Môn học này sẽ giúp cho sinh viên theo đuổi nghề marketing, thương hiệu chuyên nghiệp sau khi tốt nghiệp. Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị thương hiệu, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

#### **47. Môn học: QUẢN TRỊ TRUYỀN THÔNG (MARCOS MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Nghiên cứu marketing, Quản trị marketing

**Mô tả môn học:**

Đây là môn học trang bị cho sinh viên có được kiến thức và kỹ năng chuyên sâu và thực tế về các hoạt động truyền thông tiếp thị triển khai trong thực tiễn.

Để học tốt môn này, ngoài giờ học trên lớp, sinh viên cần tự nghiên cứu, tìm tòi và tham dự các hội thảo về quảng cáo, truyền thông để cập nhật xu hướng, công nghệ truyền thông mới.

Môn học này sẽ giúp cho sinh viên theo đuổi nghề marketing chuyên nghiệp sau khi tốt nghiệp.

**Mục tiêu môn học:**

Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về truyền thông tiếp thị.

Kết thúc môn học sinh viên sẽ hiểu rõ công việc, nhiệm vụ của một nhân viên Marketing trong thực tiễn hoạt động kinh doanh và có thể triển khai các hoạt động truyền thông tiếp thị tại doanh nghiệp.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị truyền thông, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

#### **48. Môn học: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

**Thời lượng:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

**Mô tả môn học:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tổng quan về TMĐT, ví dụ như hiểu được TMĐT là gì, các mô hình TMĐT, cơ hội và nguy cơ, rủi ro khi ứng dụng TMĐT. Kỹ thuật lập bộ chứng từ trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Cách tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất, nhập khẩu. Cách thức khai báo và thông quan cho hàng xuất nhập khẩu.

**Mục tiêu môn học:**

Hiểu và biết các hoạt động liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT

Có thái độ quan tâm, thích thú và cảnh giác đúng mức với các vấn đề liên quan đến TMĐT

Có kỹ năng phân tích và đánh giá các mô hình, các cơ hội kinh doanh, lựa chọn các giải pháp, công nghệ, phương tiện và cách thức thực hiện các hoạt động trong TMĐT

Có kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh và xây dựng dự án phát triển kinh doanh TMĐT

#### **49. Môn học: QUẢN TRỊ RỦI RO (RISK MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế học đại cương

**Mô tả môn học:**

Rủi ro hiện diện xung quanh ta, trong cuộc sống cũng như trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Bất cứ một doanh nghiệp nào, dù lớn hay nhỏ cũng đều phải đối mặt với rủi ro, bởi chúng xuất hiện ở khắp nơi, trong tất cả các hoạt động sản xuất – kinh doanh của tổ chức. Vì vậy, quản trị rủi ro là hoạt động không thể thiếu của một doanh nghiệp. Quản trị rủi ro tốt giúp cho doanh nghiệp có thể giảm thiểu được những tổn thất bất ngờ, phòng ngừa được những sự cố có thể xảy ra hay giảm thiểu tai nạn lao động, giảm được chi phí xử lý rủi ro, nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp, giảm thiểu tác động tiêu cực của những rủi ro đến dòng thu nhập trong tương của doanh nghiệp qua đó góp phần nâng cao giá trị doanh nghiệp. Cụ thể hơn, quản trị rủi ro trong kinh doanh giúp cho doanh nghiệp nhận dạng, phân tích và đo lường rủi ro về 2 khía cạnh khả năng xảy ra (xác suất) và mức độ nghiêm trọng (tổn thất), đồng thời quản trị rủi ro trong kinh doanh còn cung cấp kiến thức cơ bản trong việc kiểm soát – phòng ngừa rủi ro xảy ra, ngăn ngừa tổn thất xuất hiện và kế hoạch tài trợ rủi ro khi có tổn thất.

**Mục tiêu môn học:**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị rủi ro kinh doanh trong tổ chức, doanh nghiệp như khái quát về rủi ro, hoạt động quản trị rủi ro, nhận dạng, phân tích, đo lường, kiểm soát – phòng ngừa rủi ro, tài trợ rủi ro đào tạo phát triển. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị rủi ro kinh doanh cũng giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cơ bản: nhận dạng rủi ro và kiểm soát tốt các rủi ro có thể xảy ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị rủi ro trong kinh doanh, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị Kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

## **50. Môn học: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT (PRODUCTION AND OPERATIONS MANAGEMENT - POM )**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

**Mô tả môn học:**

Quản trị Sản xuất là một lĩnh vực quản lý có liên quan với việc giám sát, thiết kế, và kiểm soát quá trình sản xuất và thiết kế các hoạt động trong sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ. Nó liên quan đến việc đảm bảo rằng các hoạt động có hiệu quả trong điều kiện chi phí tối thiểu và hiệu quả tối đa trong việc đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Nó liên quan đến việc quản lý quá trình chuyển đổi đầu vào (nguyên vật liệu, lao động và nguồn lực) vào kết quả đầu ra (hàng hóa và / hoặc dịch vụ). Phương pháp học phù hợp nhất là phương pháp trực quan và phương pháp thực hành. Môn

học giúp người học có khả năng dự báo nhu cầu, hoạch định các nguồn lực và lập lịch trình sản xuất của doanh nghiệp.

### **Mục tiêu môn học:**

Trang bị cho sinh viên kiến thức cụ thể trong việc sử dụng các nguồn lực trong sản xuất để tạo ra hàng hóa và dịch vụ với kết quả tối ưu : chi phí thấp nhất, chất lượng tốt nhất và dịch vụ hài lòng nhất. Quản trị Sản xuất là quản trị các hoạt động ra quyết định nhằm hỗ trợ các quyết định về sản xuất và vận hành tối ưu trong các điều kiện cho phép.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn Quản trị Sản xuất, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

## **51. Môn học: QUẢN TRỊ BÁN HÀNG (SALES MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học, Marketing căn bản

### **Mô tả môn học:**

Bán hàng là giai đoạn quyết định đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Làm thế nào để chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất hoặc phân phối đến tay người tiêu dùng một cách hiệu quả và tối ưu nhất cho doanh nghiệp? Làm sao để trang bị kiến thức, kỹ năng và động viên lực lượng bán hàng hoàn thành mục tiêu kinh doanh của tổ chức và duy trì lực lượng này ổn định hơn, chuyên nghiệp hơn trong một môi trường kinh doanh đầy biến động và áp lực cạnh tranh ngày một gay gắt như hiện nay? Môn học Quản trị bán hàng sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực bán hàng vào thực tế sau khi ra trường. Nội dung môn học được tóm lược trong những phần sau:

- Lịch sử bán hàng, các khái niệm về bán hàng và quản trị bán hàng cũng như vai trò vị trí và mối quan hệ của quản trị bán hàng với các lĩnh vực khác trong hoạt động kinh doanh của mỗi tổ chức.

- Phân tích về môi trường bán hàng, phân tích nội bộ bán hàng, sản phẩm kinh doanh, khách hàng hiện tại và tương lai, các lực lượng tham gia vào quá trình bán hàng, kênh phân phối để từ đó thiết lập các chiến lược bán hàng tối ưu cho doanh nghiệp.

- Thực hiện kế hoạch bán hàng như: lập kế hoạch bán hàng, tổ chức và triển khai kế hoạch này vào thực tiễn doanh nghiệp.

- Động viên lực lượng bán hàng, hoàn thiện các kỹ năng trong bán hàng và thiết lập các kênh phân phối phù hợp cho tổ chức.

- Hoạt động kiểm tra trong bán hàng, những nội dung cần được kiểm tra và các hoạt động điều chỉnh sau kiểm tra.

### **Mục tiêu môn học:**

Sau khi kết thúc môn học Quản trị bán hàng, sinh viên nhận thức rõ được:

Bán hàng là giai đoạn quyết định đến hiệu quả hoạt động của một tổ chức kinh doanh. Do đó, sinh viên sẽ hiểu rõ vai trò, vị trí của bán hàng và quản trị bán hàng trong tổng thể hoạt động của tổ chức và mối quan hệ của chúng với nhau.

Sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng về quản trị bán hàng trong việc phân tích môi trường bán hàng, sản phẩm trong hoạt động bán hàng, khách hàng, phân tích và xây dựng kênh phân phối, phân tích và xây dựng lực lượng bán hàng, thiết lập chiến lược và kế hoạch bán hàng, triển khai bán hàng và kiểm tra đánh giá trong công tác bán hàng nhằm đạt được 2 mục tiêu chính: Đạt được mục tiêu kinh doanh của tổ chức và xây dựng bộ máy bán hàng hiệu quả phù hợp với sự phát triển, vận động của xu thế kinh tế trong thời kỳ hội nhập.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị bán hàng, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

## **52. Môn học: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG (QUALITY MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

### **Mô tả môn học:**

Chất lượng sản phẩm và dịch vụ đóng vai trò ngày càng to lớn đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc không ngừng đảm bảo và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu càng ngày càng khắt khe của khách hàng là một nhiệm vụ trọng yếu. Do đó, việc tiến hành công tác quản trị nhằm không ngừng nâng cao chất lượng của sản phẩm dịch vụ là một việc làm cấp thiết với bất kỳ một doanh nghiệp tổ chức nào.

Để tăng cường năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, song song với các biện pháp đồng bộ thì các doanh nghiệp còn cần trang bị những phương pháp quản lý tiên tiến, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, đáp ứng những yêu cầu của quá trình hội nhập.

Môn học Quản Lý Chất Lượng nghiên cứu các vấn đề chính sau: các nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất lượng hiện đại, các phương pháp, triết lý và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trên thế giới, quản lý chất lượng đồng bộ TQM, đảm bảo và cải tiến chất lượng trong tổ chức, lý thuyết và công cụ đo lường và đánh giá chất lượng.

Môn học hướng đến việc cung cấp những kiến thức nền tảng về quản trị chất lượng và quản trị doanh nghiệp, không chỉ dành cho những người mong muốn bổ sung những kiến thức về quản trị chất lượng mà còn hỗ trợ cho những ai đã và đang làm công tác quản lý các cấp trong các doanh nghiệp.

### **Mục tiêu môn học:**

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản trị chất lượng sản phẩm, bao gồm vai trò và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống quản trị chất lượng trong tổ chức, yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, các chỉ tiêu thống kê, đo lường chất lượng, và các phương pháp, hệ thống quản lý chất lượng phổ biến trên thế giới. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên được kỳ vọng có thể nắm được các kiến thức

và kỹ năng chuyên môn, và đặc biệt nhận thức được tầm quan trọng của quản trị chất lượng và có thái độ cam kết với việc xây dựng và duy trì hệ thống quản trị chất lượng đồng bộ và toàn diện trong tổ chức.

Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị chất lượng, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956)

### **53. Môn học: QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG (ADMINISTRATIVE OFFICE MANAGEMENT)**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

#### **Mô tả môn học:**

Môn học đề cập đến hoạt động hành chính của văn phòng trong các tổ chức và các chức năng quản trị hành chính văn phòng. Nội dung môn học tập trung vào việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, giám sát việc cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng, tổ chức văn phòng và nhân viên văn phòng. Sinh viên sẽ tham gia với vai trò dự kiến như là một người quản lý văn phòng và sẽ được cung cấp các kiến thức, kỹ năng, tham gia thực hành tương tác trong vai trò này.

Sau khi học xong môn học quản trị hành chính văn phòng, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện các công việc hành chính tại các đơn vị trong cơ quan; tham gia các vai trò lãnh đạo, quản trị và tự quản trị các công việc hành chính nhằm trợ giúp hiệu quả cho việc hoàn thành tốt công việc chuyên môn của mình trong tương lai.

#### **Mục tiêu môn học:**

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức lý thuyết, rèn luyện những kỹ năng và nghiên cứu các ứng dụng thực tế về những vấn đề liên quan đến quản trị hoạt động hành chính văn phòng như soạn thảo văn bản, quản lý văn bản sắp xếp lịch hoạt động của cơ quan; tổ chức hội họp và giao tiếp hành chính văn phòng,...

Môn học tập trung nhấn mạnh đến hoạt động hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh). Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể soạn thảo các văn bản hành chính thông thường và tham gia quản trị các hoạt động hành chính trong cơ quan, tổ chức. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S.Bloom (1956).

### **54. Môn học: KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN TRONG KINH DOANH**

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Kinh doanh quốc tế, Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh

#### **Mô tả môn học:**

Môn học này được thiết kế giúp sinh viên có kiến thức đàm phán kinh doanh: các yếu tố cấu thành tình huống đàm phán và đàm phán kinh doanh quốc tế, chiến thuật và chiến



lược sử dụng đàm đàm phán, văn hóa trong đàm phán kinh doanh, qui trình đàm phán, quyền lực và ảnh hưởng trong đàm phán kinh doanh.

## 55. Môn học: KỸ NĂNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ SỰ KIỆN

**Thời lượng:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Marketing căn bản, Quản trị truyền thông, Quan hệ công chúng

**Mô tả môn học:**

Môn học gồm 6 bài sẽ giới thiệu khái quát kiến thức tổng quan về quản lý tổ chức sự kiện, kiến thức thực tiễn về cách thức tổ chức một sự kiện marketing: lập kế hoạch, viết kịch bản, quản lý và giám sát tính hiệu quả sự kiện. Sau khi học xong sinh viên được trang bị đủ năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ...) về lĩnh vực tổ chức sự kiện, có thể làm việc trong bộ phận tổ chức sự kiện của một tổ chức hoặc làm việc cho các công ty tổ chức sự kiện chuyên nghiệp.

### 15) Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:

#### 15.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Lê Anh Vũ, 1958	PGS, 2007	TS, VN, 1990	Toán học	Toán cao cấp (Mathematics for Business)
2	Nguyễn Ánh Tuyết		Ths	Tâm lý học, Khoa học giao tiếp	Tâm lý học (Psychology)
3	Nguyễn Thị Bích Ngoan		TS	Ngoại ngữ	Nhập môn khoa học giao tiếp
4	Dương Anh Sơn	PGS	PhD	Luật	Lý luận nhà nước và pháp luật
5	Lê Hoàn Sử		TS	Hệ thống Thông tin	Tin học ứng dụng (Applied Computing)
6	Nguyễn Thị Nguyệt Quế		TS, Úc	Kinh tế Đối ngoại	Quan hệ quốc tế (International Relations)
7	Đỗ Phú Trần Tình, 1979	PGS, 2015	TS, VN, 2010	Kinh tế chính trị	Những NLCB của chủ nghĩa MácLênin (Principles of

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
					Marxist-Leninist)
8	Hà Thanh Minh, 1962		ThS, VN, 1994	Kinh tế chính trị	Đường lối cách mạng của ĐCSVN (History of Communist Party of Vietnam)
9	Phạm Hoàng Uyên, 1976		TS, Mỹ, 2010	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Lý thuyết xác suất (Probability & Statistics)
10	Trần Thị Hồng Liên		Ths, VN, 2009 NCS	Quản trị	Quản trị học căn bản (Management)
11	Nguyễn Thị Lan Anh, 1969		TS, Úc, 2013	Tài chính kế toán	Nguyên lý kế toán (Accounting Information for Managers)
12	Trần Quang Văn, 1978		TS, Đức, 2013	Kinh tế học	Kinh tế học vĩ mô (Principles of Macroeconomics)
13	Nguyễn Hoàng Anh, 1986		TS, Nhật, 2015	Tài chính	Nguyên lý thị trường tài chính (Introductory Principles of Finance)
14	Ngô Thị Dung		ThS, VN	Quản Trị Kinh Doanh	Marketing căn bản (Marketing Fundamentals)
15	Lê Hồng Nhật, 1959		TS, Mỹ, 2000	Kinh tế	Kinh tế lượng (Econometrics)
16	Hoàng Đoàn Phương Thảo		ThS, Úc, 2012	Quản trị Kinh doanh	Quản trị tài chính (Corporate Finance)
17	Nguyễn Hải Quang	PGS	.TS	Quản Trị Kinh Doanh	Quản trị chiến lược (Administration Strategy)
18	Nguyễn Minh Châu		TS, Úc, 2017	Quản Trị Kinh Doanh	Hành vi tổ chức
19	Trịnh Thục Hiền, 1980		ThS, Bỉ, 2007	Luật thương mại quốc tế	Luật thương mại quốc tế, luật hợp đồng.
20	Nguyễn Phan Phương Tàn, 1987		ThS, VN, 2013	Luật Kinh tế	Luật sở hữu trí tuệ, luật cạnh tranh

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
21	Phan Đình Quyền		TS, VN, 1999	Quản trị kinh doanh	Văn hóa doanh nghiệp (Corporate Culture)
22	Mai Thu Phương		Ths, VN, 2012	Quản trị kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh
23	Phạm Đức Chính	PGS	.TSKH	Kinh tế học	Quản trị nguồn nhân lực (Human Resource Management)
24	Trần Thị Ý Nhi		Ths, VN	Quản trị kinh doanh	Quản trị Marketing (Marketing Management)
25	Huỳnh Thanh Tú		TS, VN, 206	Quản trị kinh doanh	Nghệ thuật lãnh đạo (Leadership)
26	Nguyễn Thị Yến		Ths, UK, 2016	Quản trị kinh doanh quốc tế	Quản trị dự án đầu tư (Project Management)
27	Võ Thị Ngọc Trinh		Ths, VN,	Quản trị kinh doanh	Nghiên cứu marketing (Marketing Research)
28	Võ Thị Ngọc Thúy	PGS.	TS	Quản trị kinh doanh	Hành vi khách hàng (Customer Behavior)
29	Phan Đình Quyền		TS, VN, 1999	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu (Brand Management)
30	Nguyễn Thị Huyền Trang		Ths, UK, 2014	Quản trị kinh doanh	Marketing điện tử (Electronic Marketing)
31	Hồ Trung Thành		Ths, VN	Hệ thống Thông tin	Quản trị hệ thống thông tin (Information System Management)
32	Nguyễn Duy Nhất, 1980		ThS, VN, 2006	Hệ thống Thông tin	Thương mại điện tử (E-Commerce)
33	Trần Thị Hồng Liên		Ths, VN, 2009 NCS	Quản trị kinh doanh	Quản trị rủi ro (Risk Management)
34	Phùng Thanh Bình		TS,	Quản trị	Quản trị sản xuất

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
			Taiwan, 2017	kinh doanh	(Operations Management)
35	Nguyễn Khánh Trung		TS, VN, 2013	Quản trị kinh doanh	Quản trị bán hàng (Sales Management)
36	Nguyễn Thị Phương Thủy		Ths, VN, 2013 NCS	Quản trị kinh doanh	Quản trị chất lượng (Quality Management)
37	Hoàng Đoàn Phương Thảo		Ths, Úc, 2012	Quản trị kinh doanh	Quản trị hành chính văn phòng (Administrative Office Management)
38	Mai Thu Phương		Ths, VN, 2012	Quản trị kinh doanh	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh (Business Negotiation Skills)
39	Nguyễn Hoàng Diễm Hương		Ths, VN, 2014	Quản trị kinh doanh	Kỹ năng làm việc theo nhóm (Teamwork Skills)
40	Phạm Đức Chính, Trần Thị Hồng Liên Trần Thị Ý Nhi	PGS	TS TS ThS	Quản trị kinh doanh	Khởi Nghiệp Sáng tạo

## 15.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Đình Công Khải		TS, 2009	Kinh tế học	Kinh tế học vi mô	UEH
2	Nguyễn Văn Phương		TS, 2011	Kinh tế học	(Principles of Microeconomics)	Giảng viên Trường Đại học Quốc tế

3	Trần Nam Tiến	PGS, 2013	TS, VN, 2009	Lịch sử	Địa chính trị thế giới(International Political Deography)	Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn
4	Đinh Thị Điều		ThS, VN, 1996	Khoa học xã hội	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	Học viện chính trị Khu vực II

### 15.3 Giáo trình, tập bài giảng:

KIẾN THỨC CƠ BẢN						
STT	TÊN MÔN HỌC	GIÁO TRÌNH CHÍNH	TÀI LIỆU THAM KHẢO	TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB
1	<b>Những NLCB của CN Mác – Lênin</b>	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin		PGS.TS Nguyễn Việt Thông	NXB Chính trị Quốc gia	2009
2	<b>Đường lối cách mạng của ĐCSVN</b>	Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		Bộ Giáo dục và đào tạo		2007
			Giáo trình Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam,	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
			Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Đại tướng Võ Nguyên Giáp	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	1997
3	<b>Tư tưởng Hồ</b>	Giáo trình tư		Bộ Giáo dục	NXB Chính	2006

	<b>Chí Minh</b>	tướng Hồ Chí Minh		và đào tạo	trị Quốc gia, Hà Nội	
4	<b>Địa chính trị thế giới</b>	Bài giảng Địa Chính trị thế giới		Học Viện Chính trị Quốc Gia Hà Nội		2000
5	<b>Quan hệ quốc tế</b>	Bài giảng Nhập môn Quan hệ Quốc tế		Hoàng Khắc Nam	Đại học Khoa học xã hội nhân văn Hà Nội	2006
			Quan hệ quốc tế: Những khía cạnh lý thuyết và vấn đề	Nguyễn Quốc Hùng & Hoàng Khắc Nam	NXB Chính trị quốc gia Hà Nội	2006
6	<b>Tâm lý học</b>	Giáo trình tâm lý học đại cương		Nguyễn Quang Uẩn	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	2012
7	<b>Văn hóa học</b>	Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam		GS. Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục đào tạo Hà Nội	1997
8	<b>Toán cao cấp</b>	Toán cao cấp C1		Nguyễn Thành Long	NXB ĐHQG HCM	2004
			Toán cao cấp C2	Nguyễn Đình Như	NXB ĐHQG HCM	2005
9	<b>Tin học ứng dụng</b>	Giáo trình Tin học đại cương		KS. Nguyễn Thanh Hải	NXB Văn hóa thông tin	2007
10	<b>Logic học</b>	Giáo trình Logic học/HV Chính trị quốc gia HCM/Phân viện Hà Nội		PGS.TS.Lê Doãn Tá, GS.TS. Tô Duy Hợp, PGS.TS. Vũ Trọng Dung đồng chủ biên	NXB Chính trị Quốc gia	2004
11	<b>Kinh tế học vi mô</b>	Kinh tế vi mô		TS. Lê Bảo Lâm chủ biên	NXB Thống kê	2008
			Kinh tế học vi mô	PGS. TS Nguyễn Văn Luân	NXB Thống kê	2004
12	<b>Kinh tế học vĩ mô</b>	Kinh tế học vĩ mô		PGS. TS Nguyễn Văn Luân	NXB Thống kê	2004
13	<b>Kinh tế lượng</b>	Kinh tế lượng		Nguyễn Quang Đông	NXB Thống kê	2007

**KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỎI NGÀNH**

1	Marketing căn bản	Nguyên lý Marketing		Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2008
			Principles of Marketing	Philip Kotler and Gary Armstrong	Prentice-Hall	2012
			Marketing căn bản (Sách của tập thể Bộ môn Marketing)	Phan Đình Quyền; Trần Thị Ý Nhi; Võ Thị Ngọc Trinh	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2013
2	Quản trị học căn bản	Quản trị học		TS. Phạm Thế Tri	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2016
			Những vấn đề cốt yếu của quản lý	Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Wehrich	NXB Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội	1992
3	Quản trị tài chính	Quản trị tài chính – Bản dịch tiếng Việt		Brigham và Houston	NXB Cengage	2013
			Fundamentals of Corporate Finance	Ross, Westerfield, Jordan	NXB mcgraw-Hill	2006
4	Nguyên lý kế toán	Kế toán đại cương:	Bộ môn KTKT	Phạm Gặp	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2016
5	Kỹ năng làm việc nhóm	Kỹ năng làm việc nhóm		Huỳnh Văn Sơn	NXB Trẻ	2014
			Teamwork Makes The Dreamwork	John C. Maxwell	W Publishing Group	2002
6	Quản trị chiến lược	Giáo trình Quản trị chiến lược		Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013
7	Lý thuyết xác suất	Giáo trình xác suất thống kê		Tổng Đình Quý	NXB ĐHQG HCM	2003
8	Thống kê ứng dụng	Giáo trình Lý thuyết thống kê		Hà Văn Sơn	NXB Thống kê	2004
			Giáo trình xác suất - thống kê và ứng dụng	Nguyễn Phú Vinh	NXB Thống kê	2007
9	Nguyên lý thị trường tài chính	,Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng		Nguyễn Văn Luân, Trần Việt Hoàng,	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2007

		và thị trường tài chính,		Cung Trần Việt		
10	Kế toán tài chính		Kế toán tài chính	Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế – Luật	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2016

KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH						
1	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực		Trần Kim Dung	NXB Tổng hợp TP.HCM	2011
			Mối quan hệ giữa động lực làm việc và sự hài lòng công việc của cán bộ, công chức ở Việt Nam	Phạm Đức Chính	Nxb Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.	2016
2	Quản trị thương hiệu	Strategic Brand Management, 4th edition		Kevin Lane Keller	Prentice Hall	2012
			The New Strategic Brand Management: Advanced Insights and Strategic Thinking (New Strategic Brand Management: Creating & Sustaining Brand Equity)	Jean-Noel Kapferer	Kogan Page	2012
3	Quản trị truyền thông	Integrated Marketing Communications		David Pickton & Amanda Broderick	Prentice Hall	2007
			Advertising and Promotion – An integrated communications perspective	George E. Belch, Michael A. Belch	McGraw-Hill	2007
4	Quản trị Marketing	Quản trị Marketing		Philip Kotler	NXB Lao động- Xã hội	2013
			Quản trị	Trương Đình	NXB Kinh	2013



			Marketing	Chiến	tế quốc dân	
5	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo		TS. Huỳnh Thanh Tú	NXB ĐHQG TP.HCM	2013
			Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp	Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền	Nhà xuất bản Lao động Xã hội	2004
			Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp,)	Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền	Nhà xuất bản Lao động Xã hội.	2004
6	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng (sách dịch)		Jamers M.Comer	NXB Tp. Hồ Chí Minh	2005
			Quản trị bán hàng	Nguyễn Khánh Trung & Võ Thị Ngọc Thúy	NXB Đại học Quốc gia TP. HCM	2015
			Quản trị bán hàng	James M.Comer	NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	2005
7	Quản trị chất lượng	Quản lý chất lượng trong các tổ chức		Nguyễn Đình Phan	NXB Lao động- Xã hội	2015
			Quản lý chất lượng đồng bộ	John S. Oakland	NXB Thống kê	1994
8	Quản trị hành chính văn phòng	Quản trị hành chính văn phòng		Nguyễn Hữu Thân	NXB Lao động- Xã hội	2012
			Quản trị văn phòng	. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Điệp, Trần Phương Hiền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012
9	Kỹ năng tổ chức và quản lý sự kiện	Giáo trình Kỹ năng tổ chức sự kiện		Lưu Kiếm Thanh	Học viện hành chính quốc gia	2010
			Tổ chức sự kiện (chuyên khảo)	Lưu Văn Nghiêm	Đại học Kinh tế quốc dân	2012
10	Thương mại điện tử	Electronic Commerce: A Managerial Perspective		Turban, E. et al	USA: Pearson Prentice Hall	2006
			E-Marketing, 2nd edition	Strauss, J. and Frost, R.	USA: Prentice Hall	2001
11	Hành vi khách hàng	Consumer Behavior: Buying,		Michael R. Solomon	Pearson	2016

		Having and Being				
			Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	ĐH Kinh tế Quốc dân	2010
12	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất và dịch vụ		Đông thị Thanh Phương	NXB Lao động- Xã hội	2011
			Everell, E.Adam and Ronald Jebert	Production and Operation Management	Prentice Hall	2009
13	Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong doanh nghiệp		Nguyễn Quang Thu	NXB Thống kê	2008
			Quản trị rủi ro	Nguyễn Quang Thu, Ngô Quang Huân, Võ Thị Quý, Trần Quang Trung	NXB Giáo Dục	1998
14	Quản trị dự án đầu tư	Lập Dự án đầu tư		Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Đại học kinh tế Quốc dân.	2013
			Quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phương	NXB Lao Động – Xã Hội	2005
15	Quản trị kinh doanh toàn cầu	Quản trị kinh doanh quốc tế		PGS.TS Hà Nam Khánh Giao	NXB Tổng hợp TP.HCM	2012
16	Hành vi tổ chức	Hành vi tổ chức		Nguyễn Hữu Lam	NXB Lao động- Xã hội	2011
			Quản trị hành vi tổ chức	Ken Blanc Hard, Paul Hersey	NXB Thống kê	2009

#### 16) Hướng dẫn thực hiện chương trình:

Trên cơ sở những Quy định chung Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh, Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo Hệ đào tạo Tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Đức Chính**

**Nguyễn Tiến Dũng**